

### Round 4 on 2018/08/04 at 15:00

SNo.	Name	Rtg	Res.	Name	Rtg	SNo.
10	Yao Weibo	0	1-0	Liu Zhian	0	7
8	Tsai Sophie Yi-Hsuan	0	1-0	Liu Yue	0	6
9	Wang Ziyun	0	0-1	Oyundelger Ochgerel	1064	5
1	Khanyl Chuluuntuya	1402	0-1	Li Joy Ching	1083	4
2	Liu Xinrui	1315	1-0	Zhou Shumeng	1248	3

### Round 5 on 2018/08/05 at 09:00

SNo.	Name	Rtg	Res.	Name	Rtg	SNo.
3	Zhou Shumeng	1248	1-0	Yao Weibo	0	10
4	Li Joy Ching	1083	0-1	Liu Xinrui	1315	2
5	Oyundelger Ochgerel	1064	1-0	Khanyl Chuluuntuya	1402	1
6	Liu Yue	0	1-0	Wang Ziyun	0	9
7	Liu Zhian	0	0-1	Tsai Sophie Yi-Hsuan	0	8

### Round 6 on 2018/08/06 at 09:00

SNo.	Name	Rtg	Res.	Name	Rtg	SNo.
10	Yao Weibo	0	-	Tsai Sophie Yi-Hsuan	0	8
9	Wang Ziyun	0	-	Liu Zhian	0	7
1	Khanyl Chuluuntuya	1402	-	Liu Yue	0	6
2	Liu Xinrui	1315	-	Oyundelger Ochgerel	1064	5
3	Zhou Shumeng	1248	-	Li Joy Ching	1083	4

### Round 7 on 2018/08/06 at 15:00

SNo.	Name	Rtg	Res.	Name	Rtg	SNo.
4	Li Joy Ching	1083	-	Yao Weibo	0	10
5	Oyundelger Ochgerel	1064	-	Zhou Shumeng	1248	3
6	Liu Yue	0	-	Liu Xinrui	1315	2
7	Liu Zhian	0	-	Khanyl Chuluuntuya	1402	1
8	Tsai Sophie Yi-Hsuan	0	-	Wang Ziyun	0	9

**Round 4 on 2018/08/04 at 15:00**

SNo.	Name	Rtg	Res.	Name	Rtg	SNo.
10	Yao Weibo	0	1-0	Liu Zhian	0	7
8	Tsai Sophie Yi-Hsuan	0	1-0	Liu Yue	0	6
9	Wang Ziyun	0	0-1	Oyundelger Ochgerel	1064	5
1	Khanyl Chuluuntuya	1402	0-1	Li Joy Ching	1083	4
2	Liu Xinrui	1315	1-0	Zhou Shumeng	1248	3

**Round 5 on 2018/08/05 at 09:00**

SNo.	Name	Rtg	Res.	Name	Rtg	SNo.
3	Zhou Shumeng	1248	1-0	Yao Weibo	0	10
4	Li Joy Ching	1083	0-1	Liu Xinrui	1315	2
5	Oyundelger Ochgerel	1064	1-0	Khanyl Chuluuntuya	1402	1
6	Liu Yue	0	1-0	Wang Ziyun	0	9
7	Liu Zhian	0	0-1	Tsai Sophie Yi-Hsuan	0	8

**Round 6 on 2018/08/06 at 09:00**

SNo.	Name	Rtg	Res.	Name	Rtg	SNo.
10	Yao Weibo	0	-	Tsai Sophie Yi-Hsuan	0	8
9	Wang Ziyun	0	-	Liu Zhian	0	7
1	Khanyl Chuluuntuya	1402	-	Liu Yue	0	6
2	Liu Xinrui	1315	-	Oyundelger Ochgerel	1064	5
3	Zhou Shumeng	1248	-	Li Joy Ching	1083	4

**Round 7 on 2018/08/06 at 15:00**

SNo.	Name	Rtg	Res.	Name	Rtg	SNo.
4	Li Joy Ching	1083	-	Yao Weibo	0	10
5	Oyundelger Ochgerel	1064	-	Zhou Shumeng	1248	3
6	Liu Yue	0	-	Liu Xinrui	1315	2
7	Liu Zhian	0	-	Khanyl Chuluuntuya	1402	1
8	Tsai Sophie Yi-Hsuan	0	-	Wang Ziyun	0	9

# 第三届·东亚国际象棋青少年锦标赛

## 3<sup>rd</sup> Eastern Asia Youth Chess Championship



日期 Date: 8/5 轮次 Round: 5 台次 Board: 1  
 白方 White Zhou Shumeng 国籍 Federation China 等级分 Rating 1248  
 黑方 Black Yao wei bo 国籍 Federation China 等级分 Rating 0  
 结果 Result:  1-0  0-1  ½-½

组别 Group  
G10 女

	White	Black
1	c4	e5
2	nc3	nc6
3	g3	g6
4	Bg2	Bg7
5	e3	f5
6	Nge2	de
7	b3	Ng6
8	Bb2	0-0
9	0-0	g5
10	d4	ed
11	Nd4	Nd4
12	Qd4	Nh5
13	ed1	Qe8
14	Rb1	f4
15	ef	f4
16	Nd5	Qf7
17	Bg7	Kg7
18	Kc7	Ng3
19	Qd4	Kg8
20	hg	Qc7
21	Bd5	Rf7
22	Qd4	Kg7
23	Qd7	Qd7
24	Bd7	Kd7
25	Rfe1	Qd4
26	Kg2	<del>Qd4</del> b6
27	f3	Rd5
28	Rb2	Bd3
29	Rd2	Qb6
30	<del>Rd6</del> Rd6	Kg7

	White	Black
31	Re7	Kf8
32	Rd7	g5
33	f4	h5
34	Rc7	Rb8
35	f5	Bc8
36	f6	Bg6
37	Rg7	Bc4
38	Kf2	Bg6
39	Rg6	Rd8
40	Rh6	Rd2
41	Kc3	Rd3
42	Kd3	Ke8
43	Rh8	#
44		
45		
46		
47		
48		
49		
50		
51		
52		
53		
54		
55		
56		
57		
58		
59		
60		

	White	Black
61		
62		
63		
64		
65		
66		
67		
68		
69		
70		
71		
72		
73		
74		
75		
76		
77		
78		
79		
80		

签名 Signature:  
 白方 White: Zhou Shumeng  
 黑方 Black: Yao Wei bo  
 裁判 Arbiter: 白副春



# 第三届·东亚国际象棋青少年锦标赛

## 3<sup>rd</sup> Eastern Asia Youth Chess Championship



日期 Date: 8月5日 轮次 Round: 5 台次 Board: 1  
 白方 White Zhou Shuming 国籍 Federation CHN 等级分 Rating 1248  
 黑方 Black Yao Wei bo 国籍 Federation CHN 等级分 Rating 0

组别 Group  
G10

结果 Result: 1-0  0-1  ½-½

	White	Black		White	Black		White	Black
1	c4	e5	31	Re7	Kf8	61		
2	Nc3	Nc6	32	Rd7	as	62		
3	g3	g6	33	f4	h5	63		
4	Bg2	Bg7	34	Rc7	Rb8	64		
5	e3	f5	35	f5	Bb8	65		
6	Nf2	db	36	f6	Bg6	66		
7	b3	Ntb	37	Rg7	Bc4	67		
8	Bb2	O-O	38	Kf2	Bg6	68		
9	O-O	g5	39	Rg6	Rd8	69		
10	d4	ed	40	Rhb	Rd2	70		
11	Nd4	Nd4	41	Ke3	Rd3	71		
12	Qd4	Nhs	42	Kd3	Ke8	72		
13	Qd1	Qe8	43	Rh8		73		
14	Rb1	f4	44			74		
15	et	gt	45			75		
16	Nd5	Qf7	46			76		
17	Bg7	Kg7	47			77		
18	Nc7	Nf3	48			78		
19	Qd4	Kg8	49			79		
20	h9	Qc7	50			80		
21	Bd5	Rf7	51					
22	Qf4	Kg7	52					
23	Qf7	Qf7	53					
24	Bf7	Kf7	54					
25	Re1	Bg4	55					
26	Kg2	b6	56					
27	f3	Bf5	57					
28	Rb2	Bd3	58					
29	Rd2	Bg6	59					
30	Rd6	Kg7	60					

签名 Signature:

白方 White	黑方 Black
Zhou Shuming	Yao Wei bo

裁判 Arbiter

白 副 裁



# 第三届·东亚国际象棋青少年锦标赛

## 3<sup>rd</sup> Eastern Asia Youth Chess Championship



日期 Date: 5-8-2016 轮次 Round: 5 台次 Board: 2  
 白方 White Li Joy Ching 国籍 Federation HKG 等级分 Rating \_\_\_\_\_  
 黑方 Black Lixunhui 国籍 Federation CHN 等级分 Rating \_\_\_\_\_

组别 Group  
G10

结果 Result: 1-0  0-1  ½-½

	White	Black
1	Nf3	eb
2	g3	Nfb
3	c4	cb
4	Bg2	d5
5	O-O	Nd7
6	d4	Be7
7	Re1	O-O
8	cxd5	exd5
9	Nc3	Bb4
10	Bd2	Re8
11	a3	Bxc3
12	Bxc3	Qbb
13	Qc2	Ne4
14	<del>Nd2</del> Nd2	Ndfb
15	e3	Nxd2
16	Bxd2	Ne4
17	Rab1	Bf5
18	Rbc1	Nxg3
19	Qd1	Ne4
20	b4	Qd8
21	Qf3	Qg5
22	Bc3	<del>Nxc3</del> Nxc3
23	Rxc3	Be4
24	Qg2	Qxg2
25	fxg4	Bxg2
26	Kxg2	Re4
27	Re1	Rae8
28	Re1	g5
29	h3	kg7
30	a4	ab

	White	Black
31	a5	f5
32	Rf1	Kg6
33	Kf3	R8eb
34	Rg1	Rfb
35	Rg2	g4+
36	hxg4	fxg4++
37	ke2	h5
38	Rf2	Rxf2+
39	Kxf2	Reb
40	Kf1	Kg5
41	Kf2	h4
42	gxh4+	Kxh4
43	Kg1	g3
44	Kg2	Rfb
45	Rc2	kg4
46	Re2	Reb
47	Re1	Rhb
48	e4	Reb
49	e5	Kf4
50		
51		
52	½-½	
53		
54		
55		
56		
57		
58		
59		
60		

	White	Black
61		
62		
63		
64		
65		
66		
67		
68		
69		
70		
71		
72		
73		
74		
75		
76		
77		
78		
79		
80		

签名 Signature:

白方 White	黑方 Black
	 Lixunhui
裁判 Arbiter	



# 第三届·东亚国际象棋青少年锦标赛

## 3<sup>rd</sup> Eastern Asia Youth Chess Championship



日期 Date: 2018.8.5 轮次 Round: 5 台次 Board: 2  
 白方 White Li Joy Ching 国籍 Federation HKG 等级分 Rating \_\_\_\_\_  
 黑方 Black Liu Xinrui 国籍 Federation CHN 等级分 Rating \_\_\_\_\_

组别 Group  
**G10**

结果 Result: 1-0  0-1  ½-½

	White	Black
1	Nf3	e6
2	g3	Nf6
3	g4	cb
4	Bg2	d5
5	0-0	Nbd7
6	g4	Be7
7	Re1	0-0
8	cd	e6
9	Nc3	Bb4
10	Bf2	Re8
11	a3	Bc3
12	Bc3	Qb6
13	Qc7	Ne4
14	Nd2	Nf6
15	e3	Nd2
16	Bd3	Ne4
17	Rab1	Bf5
18	Rbc1	Nb93
19	Qd1	Ne4
20	b4	Qd8
21	Qf3	Qg5
22	Bc3	Nc3
23	Rc3	Be4
24	Qg3	Qg3
25	f9	Bg2
26	Kg2	Re4
27	Red1	Rae8
28	Re1	g5
29	h3	Kg7
30	a4	Ob

	White	Black
31	a5	f5
32	Rf1	Kg6
33	Kf3	R8b6
34	Rg1	Rf6
35	Rg2	g4
36	g9	f9
37	Kg2	h5
38	Rf2	Rf2
39	Kf2	Re6
40	Kf1	Kg5
41	Kf2	h4
42	g4	Kh4
43	Kg1	g3
44	Kg2	Rf6
45	Rc2	Kg4
46	Re2	Re6
47	Re1	Rh6
48	e4	Re6
49	e5	Kf4
50		
51		
52		
53		
54		
55		
56		
57		
58		
59		
60		

	White	Black
61		
62		
63		
64		
65		
66		
67		
68		
69		
70		
71		
72		
73		
74		
75		
76		
77		
78		
79		
80		

签名 Signature:

白方 White 	黑方 Black <u>Liu Xinrui</u>
裁判 Arbiter <u>白丽君</u>	



# 第三届·东亚国际象棋青少年锦标赛

## 3<sup>rd</sup> Eastern Asia Youth Chess Championship



日期 Date: 20180805 轮次 Round: 5 台次 Board: 3  
 白方 White Dyurpelger 国籍 Federation MBL 等级分 Rating 1064  
 黑方 Black Khanyl 国籍 Federation KOR 等级分 Rating 1402  
 结果 Result: 1-0  0-1  ½-½

组别 Group  
**G10**

	White	Black
1	e4	e6
2	d4	d5
3	e5	c5
4	Nc3	Nc6
5	Bd3	Qb6
6	Nc3	Qb2
7	Nb5	Nd4
8	Rc1	Kd8
9	Nb6	Bd6
10	Bd1	Bd7
11	d5	Ba4
12	Bd4	Nc2
13	Rc2	Qc2
14	Qc2	Bc2
15	Bg7	Rc8
16	Nc5	Rc5
17	Nf7+	Ke8
18	Nb8	Ra5
19	a3	Kd7
20	Nf7	Bg6
21	Nc5	Kd6
22	Nf6	<del>Bc7</del> Bg
23	Rd4 Bc3	Ra4
24	Bb4	Kc6
25	Bd3	Nc6
26	0-0	Qb6
27	Rc1	Kd7
28	Bg6	d4
29	Bc2	Rb4
30	Qb	Nd5

	White	Black
31	Rd1	e5
32	Rb1	Nc3
33	Rc1	Kd6
34	N4	Kd5
35	hg	Q4
36	b6	d3
37	Bb3	Ke7
38	b7	Q
39	Ra1	d1=Q
40	R:d1	Nd1
41	<del>Bc1</del> h7	B.Kp4
42	g3	Kp3
43	B:d1	
44		
45		
46		
47		
48		
49		
50		
51		
52		
53		
54		
55		
56		
57		
58		
59		
60		

	White	Black
61		
62		
63		
64		
65		
66		
67		
68		
69		
70		
71		
72		
73		
74		
75		
76		
77		
78		
79		
80		

签名 Signature:

白方 White 	黑方 Black <u>Khanyl</u>
--------------	---------------------------

裁判 Arbiter

白丽君



# 第三届·东亚国际象棋青少年锦标赛

## 3<sup>rd</sup> Eastern Asia Youth Chess Championship



日期 Date: 2018. 8. 5 轮次 Round: 5 台次 Board: 3  
 白方 White Duwendekgr 国籍 Federation MGL 等级分 Rating 1064  
 黑方 Black Khanyl 国籍 Federation KOR 等级分 Rating 1402

结果 Result: 1-0  0-1  ½-½

组别 Group  
**G10**

	White	Black
1	e4	e6
2	d4	d5
3	e5	c5
4	Nf3	Nc6
5	Bc3	Qb6
6	Nc3	Q:b2
7	Nb5	Nb4
8	Rc1	Kd8
9	Nd6	B:d6
10	ed	B:d7
11	cd	Ba8
12	Bd4	N:c2
13	R:c2	Q:c2
14	Q:c2	B:c2
15	B:g7	Nc5
16	-	R:c5
17	N:c7+	Ke8
18	N:h8	Ra5
19	Qa3	Kd7
20	Nf7	Bgb
21	Ne5	
22	K:d6	N:g6
23	ng	Bc3
24	Rd4	
25	Bg4	Kcb
26	Bd3	Nf6
27	O-O	a6
28	Rc1	Kd7
29	B:g6	d5
30	Bc2	nb4

	White	Black
31	ab	Nd5
32	Rd1	Rb1
33	Nc3	R:e1
34	Kd6	<del>Ra</del>
35	h4	<del>Q</del> d5
36	h6	d3
37	Bb3	Ke5
38	h7	B
39	Rd1	d1=Q
40	R:d1	N:d1
41	N:Qf	Kf4
42	g3	Kf3
43	B:d1*	
44		
45		
46		
47		
48		
49		
50		
51		
52		
53		
54		
55		
56		
57		
58		
59		
60		

	White	Black
61		
62		
63		
64		
65		
66		
67		
68		
69		
70		
71		
72		
73		
74		
75		
76		
77		
78		
79		
80		

签名 Signature:

白方 White 	黑方 Black 
--------------	--------------

裁判 Arbiter





# 第三届·东亚国际象棋青少年锦标赛

## 3<sup>rd</sup> Eastern Asia Youth Chess Championship



日期 Date: 2018.8.5 轮次 Round: 5 台次 Board: 4  
 白方 White Liu Yue 国籍 Federation China 等级分 Rating 0  
 黑方 Black Wang Ziyun 国籍 Federation China 等级分 Rating 0  
 结果 Result: 1-0  0-1  ½-½

组别 Group  
**G10**

	White	Black
1	d4	d5
2	c4	c5
3	cd	cd
4	Qd4	Nf3
5	Nc3	<del>e</del> e6
6	e4	Bb4
7	Qb4	e5
8	Qa4	Bd7
9	Qd1	Ba4
10	Be2	Be2
11	Ne2	Ng4
12	g0	g0
13	Ng3	Nh2
14	Kh2	f6
15	Rh1	g6
16	Kg1	f5
17	Nf2	Nab
18	f4	Rc8
19	fe	Nc5
20	Be3	Ne4
21	Ne4	fe
22	Rc1	Qa5
23	Rc8	Rc8
24	a3	Qb5
25	db	Qe5
26	Qd4	Qf5
27	Ng3	Qeb
28	d7	Rd8
29	Bh6	Rd7
30	Qe4	Re7

	White	Black
31	Qeb	Re6
32	Kf2	Rf6
33	Kf2	Rc6
34	Rd1	Rc2
35	Rd2	Rc1
36	Rd8	Kf7
37	Bc1	b5
38	Rd7	<del>a5</del> Ke6
39	Ra7	h5
40	Rab	Ke5
41	Rg6	h4
42	Nf1	Kf5
43	Rg5	Ke4
44	Rb5	Kd4
45	Rb4	Kc5
46	Rh4	Kb6
47	g4	Ke7
48	g5	Kd7
49	g6	Ke8
50	b4	Kf8
51	b5	Kg7
52	bb	Kg6
53	b7	Kf7
54	b8↑Q	Ke7
55	<del>R</del> Rhb	Kd7
56	Qb7	Kd8
57	Rh8	
58		
59		
60		

	White	Black
61		
62		
63		
64		
65		
66		
67		
68		
69		
70		
71		
72		
73		
74		
75		
76		
77		
78		
79		
80		

签名 Signature:

白方 White <u>刘悦</u>	黑方 Black <u>Wang Ziyun</u>
-----------------------	-------------------------------

裁判 Arbiter

白羽君



# 第三届·东亚国际象棋青少年锦标赛

## 3<sup>rd</sup> Eastern Asia Youth Chess Championship



日期 Date: 2018.8.5 轮次 Round: 5 台次 Board: 4  
 白方 White Liu Yue 国籍 Federation China 等级分 Rating 0  
 黑方 Black Wang Ziyun 国籍 Federation China 等级分 Rating 0  
 结果 Result: 1-0  0-1  ½-½

组别 Group  
**G10**

	White	Black
1	d4	d5
2	c4	c5
3	cxd5	cxd4
4	Qxd4	Nf6
5	Nc3	e6
6	e4	Bb4
7	Qxb4	e5
8	Qa4	Bd1
9	Qd1	Bg4
10	Re2	Bxe2
11	Nxe2	Ng4
12	O-O	O-O
13	Ng3	Nxh2
14	Kxh2	f6
15	Rh1	g6
16	Kg1	f5
17	Ne2	Nab
18	f4	Rc8
19	fxe5	Nc5
20	Be3	Nxe4
21	Nxe4	fxe4
22	Rc1	Qa5
23	Rxc8	Rxc8
24	a3	Qb5
25	d6	Qxe5
26	Qd4	Qf5
27	Ng3	Qe6
28	d7	Rd8
29	Bh6	Rxd7
30	Qxe4	Re7

	White	Black
31	Qxe6	Rxe6
32	Kf2	Rf6
33	Ke2	Rc6
34	Rd1	Rc2
35	Rd2	Rc1
36	Rd8	Kf7
37	Bxc1	b5
38	Rd7	Ke6
39	Rxa7	h5
40	Rab	Ke5
41	Ng3	h6
42	Nf4	Kf5
43	Rg5	Ke4
44	Rxb5	Kd4
45	Rb4	Kc5
46	RxKt	Kb6
47	g4	Kc1
48	g5	Kd1
49	g6	Ke8
50	b4	Kf8
51	b5	Kg7
52	b6	Kxg6
53	b7	Kxf7
54	Qb8	Ke7
55	Rh6	Kd7
56	Qb7	Kd8
57	Rh8#	
58		
59		
60		

	White	Black
61		
62		
63		
64		
65		
66		
67		
68		
69		
70		
71		
72		
73		
74		
75		
76		
77		
78		
79		
80		

签名 Signature:

白方 White <b>刘悦</b>	黑方 Black <b>王子韵</b>
裁判 Arbiter <b>白丽君</b>	



# 第三届·东亚国际象棋青少年锦标赛

## 3<sup>rd</sup> Eastern Asia Youth Chess Championship



日期 Date: 8.5.2018 轮次 Round: 5 台次 Board: 5

白方 White Liu Zhi an 国籍 Federation China 等级分 Rating 0

黑方 Black Tsai Sophie Yi-Hsuan 国籍 Federation TPE 等级分 Rating 0

组别 Group

G10

结果 Result: 1-0  0-1  ½-½

	White	Black		White	Black		White	Black
1	e4	e5	31	axb3	axb3	61		
2	Nf3	Nc6	32	Bd2	e4	62		
3	Bc4	Bc5	33	Be3	f5	63		
4	O-O	Nf6	34	Bf4	Rb7	64		
5	Nc3	O-O	35	Rb1	g5	65		
6	d3	h6	36	Be3	f4	66		
7	h3	d6	37	Bd4	e3	67		
8	Re1	Re8	38	Kf1	h5	68		
9	Na4	Nd7	39	Ke2	Bxg2	69		
10	Nh4	Qxh4	40	Rg1	f3+	70		
11	c3	Bxf2+	41	Ke1	f2+	71		
12	Kf1	Bxe1	42	Ke2	fxg1Q	72		
13	Qxe1	Qxe1+	43	Nd1	Qf1#	73		
14	Kxe1	a6	44			74		
15	b4	b5	45			75		
16	Bd5	Bb7	46			76		
17	Nb2	Rab8	47			77		
18	c4	Nxb4	48			78		
19	Kf1	Nxd5	49			79		
20	cxd5	c6	50			80		
21	dx c6	Bx c6	51					
22	Nd1	d5	52					
23	Kg1	dx e4	53					
24	dx e4	Bx e4	54					
25	Nf2	Bd5	55					
26	Be3	a5	56					
27	Bd2	a4	57					
28	Nd1	b4	58					
29	Be1	b3	59					
30	Nc3	Bc6	60					

签名 Signature:

白方 White <u>Liu Zhi an</u>	黑方 Black <u>蔡宜軒</u>
-------------------------------	------------------------

裁判 Arbiter

白耐君



# 第三届·东亚国际象棋青少年锦标赛

## 3<sup>rd</sup> Eastern Asia Youth Chess Championship



日期 Date: 2018.8.5 轮次 Round: 5 台次 Board: 5

白方 White Liu Zhi an 国籍 Federation China 等级分 Rating 0

黑方 Black Tsai Sophie Y-Hsuan 国籍 Federation TPE 等级分 Rating 0

组别 Group  
G10

结果 Result: 1-0  0-1  ½-½

	White	Black
1	e4	e5
2	Nf3	Nc6
3	Bc4	Bc5
4	00	Nf6
5	Nc3	00
6	d3	h6
7	h3	..b6
8	Re1	Re8
9	Na4	Nd7
10	Nh4	Qh4
11	c3	Bf2
12	Kf1	Be1
13	Qe1	Qe1
14	Ke1	..ab
15	b4	b5
16	Bd5	..b7
17	Nb2	Rb8
18	c4	Nb4
19	Kf1	Na5
20	cd	..cb
21	dc	..Bcb
22	Nd1	d5
23	Kg1	..de
24	de	..Be4
25	Nf2	..pd5
26	Be3	a5
27	Bd2	a4
28	Nd1	b4
29	Be1	b3
30	Nc3	Bcb

	White	Black
31	..ab	..ab
32	Bd2	e4
33	Be3	f5
34	Bf4	Rb7
35	Rb1	a5
36	Be3	f4
37	Bd4	e3
38	Kf1	h5
39	Ke2	..b02
40	Rg1	f3
41	Ke1	f2
42	Ke2	f9→(左)
43	Nd4	Qf1
44		
45		
46		
47		
48		
49		
50		
51		
52		
53		
54		
55		
56		
57		
58		
59		
60		

	White	Black
61		
62		
63		
64		
65		
66		
67		
68		
69		
70		
71		
72		
73		
74		
75		
76		
77		
78		
79		
80		

签名 Signature:

白方 White	黑方 Black
Liu Zhi an	<del>                    </del>
	蔡宜軒

裁判 Arbiter

白羽君

